

Bản án số: 258/2024/HSST

Ngày: 21/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Như Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2024/HSST ngày 15 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/QĐST-HS ngày 29/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 122/QĐST-HS ngày 05/11/2024 đối với bị cáo:

TẠ THỊ THU H, giới tính: Nữ, sinh năm 1975 tại tỉnh V; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1805, nhà 24T2, KĐT T, phường T, quận C, thành phố H; Nơi cư trú: SL 37, LH 3, Khu đô thị V, Khu đô thị N, huyện H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Nguyên Tổng giám đốc Công ty Cổ phần T; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Tạ Ngọc H và bà Đỗ Thị Kim T; Có chồng là Phạm Nguyễn Phương Đ (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: Nhà điều hành Khu công nghiệp HN, số 386 đường N, phường S, quận L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đức Q - Chức vụ: Phó tổng giám đốc -
Vắng mặt

2. Công ty Cổ phần H

Địa chỉ trụ sở: Số 46, ngách 38, ngõ 89 đường L, phường N, quận C, Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thị Thu H - Tổng giám đốc - Có mặt

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 9 phố T, phường M, quận N, Hà Nội - Vắng mặt

4. Chị Phạm Diễm Thu P, sinh năm 1998

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: P1805, nhà 24T2, KĐT TH, phường T, quận C, Hà Nội - Vắng mặt

5. Chị Lê Thị Hồng A, sinh năm 1987

Địa chỉ : 3118, S103 Khu đô thị V, phường T, quận N, Hà Nội - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/11/2023, Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty T) có đơn tố giác Tạ Thị Thu H - Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty có hành vi chiếm đoạt tài sản và giả mạo chữ ký. Quá trình điều tra xác định được như sau:

Công ty cổ phần T (Công ty T) hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực cho thuê bất động sản, trong đó có dự án Gold Season tại địa chỉ 47 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ngày 15/8/2017, Công ty T ký hợp đồng lao động với Tạ Thị Thu H, bổ nhiệm H giữ chức vụ Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty. Từ ngày 07/12/2022 giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị công ty. Nhiệm vụ của H là quản lý, điều hành, quyết định các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty T, chủ yếu là các hoạt động cho thuê mặt bằng (sàn thương mại, văn phòng...). Ngày 18/7/2019, Công ty T (do H đại diện) và Công ty TNHH H ký hợp đồng thuê mặt bằng thương mại số 1807.2019/HĐCTMBTM/GSS.TNL- HN. Theo đó, Công ty T cho Công ty TNHH H thuê mặt bằng tại gian số 01- 02- 03 tầng R1, tòa N02, Dự án G, diện tích 377,8m², thời hạn thuê 120 tháng từ 15/10/2019 đến 14/10/2029, giá thuê 604.500 đồng/m²/tháng. Ngày 01/12/2022, Công ty T (do H đại diện) và Công ty cổ phần H (do chị Phạm Diễm Thu P - con gái H đại diện) ký hợp đồng thuê công trình xây dựng số 0112/2022/TNL-HP. Theo đó, Công ty T cho Công ty cổ phần H (viết tắt là Công ty H) thuê mặt bằng tại L1- 01A, L1- 01B, tầng 1, tòa nhà N03, Dự án GoldSeason, diện tích thuê 359 m², thời hạn thuê từ 01/06/2023 đến 30/09/2029, giá thuê 321.776 đồng/m²/tháng. Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng là 449.083.152 đồng. Tính đến 31/12/2023, Công ty H đã thanh toán cho Công ty T số tiền 1.609.963.100 đồng tiền thuê mặt bằng. Cũng trong ngày 01/12/2022, H đại diện Công ty T và chị P đại diện Công ty H ký Giấy ủy quyền số 0112/2022/TNL-HELIOS về việc Công ty T uỷ quyền cho Công ty H thực hiện việc quản lý, vận hành diện tích sàn Công ty H đã thuê của Công ty T (theo Hợp đồng số 0112). Theo đó, Công ty H được quyền ký kết, phát hành hóa đơn, giấy tờ từ các công việc ủy

quyền. Thời hạn ủy quyền từ 01/12/2022 đến 31/12/2029. Sau khi có ủy quyền, trong tháng 12/2022, Công ty H và Công ty TNHH B ký hợp đồng thuê công trình xây dựng số HP-HN2512/2022 (có phụ lục kèm theo), thuê lại chính mặt bằng sản thương mại mà Công ty H đã thuê của Công ty T, giá thuê 618.800 đồng/m²/tháng (tăng 297.024 đồng/m²/tháng so với hợp đồng Công ty H đã ký với Công ty T), thời hạn thuê từ 01/5/2023 đến 30/9/2029. Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng là 768.978.000 đồng. Đến 31/12/2023, Công ty TNHH B đã thanh toán cho Công ty H 2.800.019.782 đồng tiền thuê mặt bằng. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh và xác định được: Công ty H gồm 03 cổ đông góp vốn là ông Phan Anh S góp 50% cổ phần, Tạ Thị Thu H góp 45% cổ phần, chị Phạm Diễm Thu P góp 5% cổ phần. Chị P là con gái của H đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty. H không báo cáo với Hội đồng quản trị, Hội đồng cổ đông của công ty T việc H và con gái là cổ đông sáng lập của Công ty H và việc ký kết hợp đồng, giấy ủy quyền cho công ty H thuê lại mặt bằng đã thuê của Công ty T. Ngày 01/08/2021, chị P ký giấy ủy quyền số 0108/2021/GUQ, ủy quyền cho Tạ Thị Thu H thay mặt chị P quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty H. Ông Phan Anh S chỉ góp vốn, không tham gia vào hoạt động của Công ty.

Ngày 12/07/2021, Công ty H đại diện là chị Phạm Diễm Thu P ký Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng đối với chị Nguyễn Thị L (thời điểm này, chị L đang là kế toán thủ việc tại Công ty T). Chị L làm việc tại H 01 tháng, sau đó nghỉ việc. Từ ngày 01/09/2021, chị L không phải là Kế toán trưởng của Công ty H, chị Phạm Diễm Thu P đi du học tại Canada và Úc, xuất nhập cảnh nhiều lần, xuất cảnh lần cuối cùng là ngày 09/07/2023 đến nay chưa nhập cảnh về nước.

Công ty H không có nhân viên, H đã sử dụng tư cách lãnh đạo công ty T để chỉ đạo các nhân viên của Công ty T (gồm chị Lê Thị Hồng A, anh Nguyễn Văn C, anh Bùi Việt D, chị Vũ Thị Thu H...) thực hiện các phần công việc của Công ty H như trao đổi, đàm phán, ký hợp đồng, thanh toán công nợ giữa Công ty H với Công ty TNHH B.

Theo tài liệu do Ngân hàng TMCP H (MSB) cung cấp gồm: hồ sơ mở tài khoản của công ty H; 31 bộ chứng từ kế toán (séc, ủy nhiệm chi...) và 02 giấy giới thiệu của Công ty H, trong đó:

- + Về chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị L, có 02 chữ ký, chữ viết phát sinh trong thời gian chị L làm việc (là ủy nhiệm chi ngày 13/7/2021; 16/7/2021); 29 chữ ký, chữ viết (06 séc, 05 ủy nhiệm chi, 18 Giấy lĩnh tiền mặt) phát sinh sau thời gian chị L nghỉ việc tại Công ty (từ ngày 11/10/2021 đến 09/09/2023).

- + Về chữ ký của chị Phạm Diễm Thu P: Có 06 chữ ký trong thời gian chị P ở Việt Nam; 23 chữ ký trong thời gian chị P ở nước ngoài.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị L, chị Phạm Diễm Thu P trên các tài liệu do Ngân hàng cung cấp.

Tại bản Kết luận giám định số 2504/KL-KTHS ngày 09/4/2024, số 5454/KL-KTHS ngày 29/7/2024 và số 5579/KL-KTHS ngày 5/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

- **Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị L tại mục "Kế toán trưởng" trên các mẫu cần giám định và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh không phải chữ do cùng một người ký và viết ra (Cụ thể là séc các ngày 11/10/2021, 31/12/2021, 22/3/2022, 07/4/2022, 17/5/2022; giấy lĩnh tiền mặt các ngày 04/07/2022, 24/08/2022 (02 tờ), 03/01/2023, 01/06/2023, 09/09/2023 (02 tờ); 15/06/2022, 31/08/2022, 12/10/2022, 02/12/2022, 09/02/2023, 02/03/2023, 04/04/2023, 17/05/2023, 30/05/2023, 27/06/2023, 01/08/2023; uỷ nhiệm chi các ngày 19/06/2023, 20/1/2022, 13/6/2022, 27/3/2023, 09/09/2023).**

- **Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên mục "Kế toán trưởng" trên séc số CA2138202 ngày 17/11/2021 với chữ ký của Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh có phải là chữ ký do cùng một người ký ra hay không.**

- **Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Phạm Diễm Thu P trên các mẫu cần giám định và chữ ký đứng tên Phạm Diễm Thu P trên các mẫu so sánh có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không (Giấy uỷ quyền số 0108/2021GUQ, Hợp đồng thuê công trình xây dựng số 0112/2022/TNL-HP, Giấy uỷ quyền số 0112/2022/TNL-HELIOS, Phụ lục hợp đồng số 1603/2023; uỷ nhiệm chi các ngày 09/06/2022, 07/03/2023, 09/09/2023, giấy lĩnh tiền mặt các ngày 04/07/2022, 24/08/2022, 03/01/2022, 01/06/2023, 09/09/2023, Hợp đồng dịch vụ số 000008509/2020/HDDV-TNH, bộ hồ sơ mở tài khoản Công ty H).**

Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận: Do yêu cầu của tập đoàn, Công ty T phải đảm bảo doanh số cho thuê mặt bằng tại các trung tâm thương mại, vị trí mặt bằng toà N03, Dự án G không được đẹp vì nằm sâu trong dự án, không có người thuê toàn bộ mặt bằng. Thời điểm năm 2022, chỉ có một khách lẻ thuê một phần diện tích và sẽ hết hạn vào tháng 2/2023. Tại thời điểm đó, bản thân H cũng có ý định kinh doanh nhà hàng và siêu thị nên khoảng cuối tháng 11/2022, sau khi xem các chỉ tiêu kinh doanh của tập đoàn, H đã chỉ đạo anh Nguyễn Văn Chiến (là giám đốc kinh doanh của Công ty T) làm các thủ tục để công ty H ký Hợp đồng thuê mặt bằng tại vị trí này vừa để đảm bảo doanh số theo chỉ tiêu vừa để thực hiện dự án kinh doanh của mình. Do đặc điểm vị trí toà N03 khuất và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên giá thuê tại vị trí này được định giá thấp hơn vị trí khác. H chỉ đạo anh Chiến thực hiện theo đúng quy định của tập đoàn khi trình nội dung, hợp đồng thuê và giá thuê; Giá thuê trên Hợp đồng đã được tập đoàn phê duyệt theo quy trình, đảm bảo đúng giá "net" do tập đoàn quy định. Do dự án kinh doanh của H chưa thể triển khai được ngay và khoảng cuối tháng 12/2022, anh Chiến có báo cáo H về việc Công ty TNHH B muốn mở rộng diện tích phòng khám sang vị trí toà N03 nên đặt vấn đề thuê tại đây đồng thời mong muốn giữ nguyên chính sách, giá thuê của Hợp đồng

cũ. Vì vậy, H đã cân nhắc giữa việc giữ mặt bằng triển khai Dự án của mình với việc giữ khách hàng lâu năm của Công ty T. Đồng thời để giảm thiểu rủi ro cho Công ty H trong việc ký hợp đồng với Công ty T nên H đã nhờ anh Chiến thực hiện các phần Công việc liên quan đến quá trình soạn thảo, ký hợp đồng giữa Công ty H và Công ty B.

Công việc của Công ty T do H và anh C trực tiếp thực hiện nên H chỉ trao đổi với anh C (hội đồng quản trị) mà không báo cáo hội đồng cổ đông và lãnh đạo tập đoàn T việc H và con gái là cổ đông sáng lập và nắm giữ 50% cổ phần của Công ty H. Do đó, H không có văn bản, giấy tờ gì chứng minh nội dung này.

H khẳng định, bản thân không có mục đích tư lợi, đã thực hiện công việc theo đúng quy định của Tập đoàn. Tuy nhiên, H tự nhận mình có sơ suất, không báo cáo lãnh đạo tập đoàn, hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc H có quyền lợi tại Công ty H. H đã chủ động nộp số tiền mà H đã yêu cầu nhân viên rút ra từ hoạt động cho thuê mặt bằng là 1.190.056.100 đồng nộp về Công ty T (bao gồm tiền chênh về đơn giá thuê, tiền đặt cọc và các chi phí khác).

H thừa nhận đã ký giả 28 chữ ký của Nguyễn Thị L trên 05 séc, 05 uỷ nhiệm chi, 18 Giấy lĩnh tiền mặt của Công ty H; nhờ người viết giả nội dung 02 giấy giới thiệu thể hiện Lê Thị Hồng A là nhân viên của Công ty H để thực hiện việc rút và chuyển tiền của Công ty tại Ngân hàng MSB. Việc H ký giả chữ ký của Nguyễn Thị L trên các chứng từ kế toán và nhờ người viết hộ nội dung thể hiện chị Hồng A là nhân viên công ty H trên 02 giấy giới thiệu để rút tiền mặt, chị L và chị Hồng A không biết, không được hưởng lợi gì

Chị Nguyễn Thị L khai nhận: Tháng 7/2021, chị L ký Hợp đồng thử việc với Công ty T. Trong thời gian thử việc, chị L được H nhờ đứng tên kế toán trưởng của Công ty H. Do H là lãnh đạo nhờ nên chị L đồng ý. Chị L có ký vào hồ sơ mở tài khoản Công ty tại Ngân hàng MSB và 02 chứng từ kế toán ngày 13/7/2021 và ngày 16/7/2021 do thời gian này chị L đang làm việc tại đây. Chị L chỉ làm việc tại công ty T 01 tháng sau đó nghỉ việc. Trước khi nghỉ việc, chị đã báo cáo H và yêu cầu Công ty dừng tất cả các công việc liên quan đến cá nhân của L trong thời gian làm tại đây. Chị L khẳng định, các chữ ký, chữ viết còn lại mang tên Nguyễn Thị L trên các chứng từ kế toán (séc, uỷ nhiệm chi, giấy lĩnh tiền mặt) không phải do chị L ký và viết ra. Chị L không biết cũng như không ủy quyền cho H hay bất kì ai được phép ký tên chị L trên các giấy tờ, tài liệu trên.

Lời khai của các nhân viên, cổ đông, đại diện của Công ty T và những cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp với lời khai của Tạ Thị Thu H và các tài liệu có trong hồ sơ đã thu thập được

Do việc H ký giả chữ ký của chị Nguyễn Thị L và nhờ người viết 02 giấy giới thiệu giả nội dung Lê Thị Hồng A là nhân viên công ty H được thực hiện tại trụ sở văn phòng Công ty T, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội nên

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Thanh Xuân đã có văn bản đề nghị chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đống Đa để giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đống Đa có văn bản phúc đáp với nội dung: Vụ án xảy ra liên quan đến nhiều địa điểm, được phát hiện tại quận Thanh Xuân nên thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Thanh Xuân.

Tại bản cáo trạng số 209/CT-VKSTX ngày 05 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố Tạ Thị Thu H về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Tạ Thị Thu H 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng: Không có nên không xét.

Tại phiên toà:

- Bị cáo H giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tạ Thị Thu H nguyên là tổng giám đốc Công ty cổ phần T. Trong thời gian điều hành hoạt động kinh doanh cho thuê mặt bằng dự án G tại địa chỉ 47 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội, H đã ký Hợp đồng cho thuê mặt bằng sàn thuộc dự án N02 G với Công ty TNHH B và dự án N03 G với Công ty cổ phần H do H và con gái H là Phạm Diễm Thu P là cổ đông sáng lập. Để rút được tiền từ việc cho thuê mặt bằng của Công ty Cổ phần H, trong thời gian từ 11/10/2021 đến 09/9/2023 H đã ký giả 28 chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị L (kế toán trưởng Công ty H) tại mục “Kế toán trưởng” trên các chứng từ kế toán (bao gồm: 05 séc, 05 uỷ nhiệm chi, 18 Giấy lĩnh tiền mặt) và nhờ người viết giả 02 giấy giới thiệu nội dung thể hiện Lê Thị Hồng A là nhân viên của Công ty H để thực hiện việc rút và chuyển tiền của Công ty tại Ngân hàng TMCP H. Đối chiếu quy định của pháp luật, hành vi của Tạ Thị Thu H đã phạm tội “Làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Đối với việc H không thông báo cho Công ty cổ phần T biết H và con gái nắm giữ 50% cổ phần tại Công ty cổ phần H và việc lấy tư cách chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty T ký hợp đồng cho Công ty cổ phần H thuê mặt bằng, sau đó uỷ quyền để Công ty cổ phần H ký hợp đồng cho Công ty TNHH B thuê lại, hưởng chênh lệch giá thuê là vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh, vi phạm Điều lệ Công ty cổ phần T. Tuy nhiên, về giá cho thuê mặt bằng bị cáo vẫn đảm bảo đúng theo giá “Net” do Công ty T và lãnh đạo tập đoàn đã phê duyệt và đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền chênh lệch từ việc cho thuê mặt bằng cho Công ty cổ phần T. Xem xét mức độ vi phạm, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với H về hành vi này.

Đối với chị Lê Thị Hồng A là nhân viên hành chính của Công ty T đã sử dụng 02 giấy giới thiệu có ghi nội dung Hồng A là nhân viên của Công ty H để thực hiện việc rút và chuyển tiền của Công ty cổ phần H. Do Hồng A làm việc theo sự chỉ đạo của H, không biết, không tham gia vào quá trình H ký giả chữ ký và nhờ người viết giả nội dung giấy giới thiệu, không được hưởng lợi. Do đó không đủ căn cứ xác định Hồng A có vai trò đồng phạm với H trong việc làm giả tài liệu trên.

Đối với chị Nguyễn Thị L được chị Phạm Diễm Thu P đại diện Công ty H ký Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng vào ngày 12/7/2021. Chị L không biết cũng như không uỷ quyền cho H hay bất kỳ ai ký tên tại mục “kế toán trưởng” trên 28 chứng từ kế toán ngân hàng (séc, uỷ nhiệm chi, giấy lĩnh tiền mặt). Xét chị L không liên quan đến hành vi phạm tội của Tạ Thị Thu H nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là coi thường pháp luật, xâm phạm đến chế độ quản lý hành chính của nhà

nước, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, doanh nghiệp. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ tài sản của pháp nhân trong hoạt động kinh doanh, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; Tuy nhiên, để cải tạo, giáo dục bị cáo và làm bài học răn đe người khác, cần áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết: *Bị thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, quá trình làm việc tại Công ty T đã có nhiều công sức đóng góp cho sự phát triển và thành tích của Công ty và Tập đoàn; bản thân tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện, vì lợi ích cộng đồng được các tổ chức xã hội ghi nhận* để giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội (cho hưởng án treo) cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện tại bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[6]. Về dân sự: Công ty cổ phần T đã nhận lại toàn bộ số tiền chênh lệch khi cho Công ty TNHH B thuê mặt bằng, nay không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

[7]. Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng gì nên không xét. Các tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo do Công ty cổ phần T và do các cơ quan liên quan giao nộp được tiếp tục lưu giữ làm tài liệu trong hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Tạ Thị Thu H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[1]. Xử phạt: Tạ Thị Thu H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[3]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần H có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần T, chị Nguyễn Thị L, chị Lê Thị Hồng A, chị Phạm Diễm Thu P có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng,
- VKSND Q. Thanh Xuân
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Thanh Xuân,
- Công an quận Thanh Xuân,
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Diệu Thúy

